

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TRUYỀN THÔNG CV MEDIA**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TRUYỀN THÔNG CV MEDIA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CV MEDIA COMMUNICATIONS SERVICE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: CV MEDIA COMMUNICATIONS SERVICE., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110693639

**3. Ngày thành lập:** 22/04/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 2, Tòa nhà Web 3, 15 Ngõ 4 Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0397318447

Fax:

Email: [davilsong173@gmail.com](mailto:davilsong173@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                      | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa - Môi giới mua bán hàng hóa<br>(Trừ hoạt động đấu giá hàng hóa)                                                                                                                          | 4610     |
| 2.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Loại trừ: Bán buôn dược phẩm                                                                                                                                                                              | 4669     |
| 3.  | Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi                                                                                                                                                                                                                   | 8220     |
| 4.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                      | 8230     |
| 5.  | Dịch vụ đóng gói                                                                                                                                                                                                                                               | 8292     |
| 6.  | Giáo dục thể thao và giải trí<br>Loại trừ: kinh doanh vũ trường, sàn nhảy                                                                                                                                                                                      | 8551     |
| 7.  | Giáo dục văn hoá nghệ thuật<br>Loại trừ: kinh doanh vũ trường, sàn nhảy                                                                                                                                                                                        | 8552     |
| 8.  | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Dạy máy tính. | 8559     |
| 9.  | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục<br>Chi tiết: - Tư vấn giáo dục; - Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục; - Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên;                                                                                                          | 8560     |
| 10. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                          | 6201     |
| 11. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                            | 6202     |
| 12. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính<br>Chi tiết: Hoạt động dịch vụ thông tin                                                                                                                                       | 6209     |

Thời gian đăng từ ngày 23/04/2024 đến ngày 23/05/2024

1/4

|     |                                                                                                                                                                                                                                        |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 13. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                                                                                     | 6311        |
| 14. | Cổng thông tin<br>Loại trừ: Hoạt động báo chí                                                                                                                                                                                          | 6312        |
| 15. | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Các dịch vụ thông tin qua điện thoại                                                                                                                                        | 6399        |
| 16. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: - Tư vấn bất động sản (không bao gồm: tư vấn pháp luật, tư vấn tài chính).                                                                              | 6820        |
| 17. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>Loại trừ : hoạt động tư vấn pháp luật, kế toán, kiểm toán                                                                                                                                                  | 7020        |
| 18. | Quảng cáo<br>Loại trừ: Quảng cáo trên không                                                                                                                                                                                            | 7310(Chính) |
| 19. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                               | 7320        |
| 20. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                         | 7410        |
| 21. | Hoạt động nhiếp ảnh<br>Loại trừ hoạt động báo chí                                                                                                                                                                                      | 7420        |
| 22. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Loại trừ: Hoạt động của những nhà báo độc lập; Thanh toán hối phiếu và thông tin tỷ lệ lượng; Tư vấn chứng khoán)                                           | 7490        |
| 23. | Bán buôn tổng hợp<br>Loại trừ: Hoạt động đấu giá hàng hóa                                                                                                                                                                              | 4690        |
| 24. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Loại trừ: Vận tải hàng hóa hàng không                                                                                                                                           | 5229        |
| 25. | Bưu chính<br>Loại trừ: Bưu chính quốc tế                                                                                                                                                                                               | 5310        |
| 26. | Chuyển phát<br>Loại trừ: Chuyển phát quốc tế                                                                                                                                                                                           | 5320        |
| 27. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết: Khách sạn                                                                                                                                                                                       | 5510        |
| 28. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống                                                                                                                                          | 5610        |
| 29. | Hoạt động hậu kỳ                                                                                                                                                                                                                       | 5912        |
| 30. | Cho thuê băng, đĩa video                                                                                                                                                                                                               | 7722        |
| 31. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết: - Cho thuê máy tính, thiết bị quay phim, chụp ảnh, chụp hình,...                                                                           | 7730        |
| 32. | Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Loại trừ: Kinh doanh trò chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội và không kinh doanh trò chơi có thưởng | 4764        |

|     |                                                                                                                 |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 33. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Loại trừ: Vàng miếng, súng đạn, tem và tiền kim khí | 4773 |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|

6. **Vốn điều lệ:** 8.600.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. **Số cổ phần được quyền chào bán:** 860.000

8. **Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông        | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                            | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|--------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | DƯƠNG VIỆT<br>KHÔI | 9A Tổ 24, đường<br>Kim Ngưu,<br>Phường Thanh<br>Lương, Quận Hai<br>Bà Trưng, Thành<br>phố Hà Nội, Việt<br>Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 344.000       | 3.440.000.000            | 40,000       | 0010960462<br>38                                                                                                       |            |
|     |                    |                                                                                                               | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                               | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                               | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                               | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                               | Tổng số                            | 344.000       | 3.440.000.000            | 40,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                               |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | NGÔ ANH<br>ĐỨC     | 34 nhánh 1/36<br>Âu Cơ, Phường<br>Quảng An, Quận<br>Tây Hồ, Thành<br>phố Hà Nội, Việt<br>Nam                  | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 258.000       | 2.580.000.000            | 30,000       | P02361156                                                                                                              |            |
|     |                    |                                                                                                               | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                               | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                               | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                               | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                               | Tổng số                            | 258.000       | 2.580.000.000            | 30,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                               |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |               |                                                                    |                           |         |               |        |              |
|---|---------------|--------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|--------------|
| 3 | PHẠM THỊ NGỌC | Thôn Tụ , Xã Tân Mỹ, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 258.000 | 2.580.000.000 | 30,000 | 024301011836 |
|   |               |                                                                    | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |               |                                                                    | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |               |                                                                    | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |               |                                                                    | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |               |                                                                    | Tổng số                   | 258.000 | 2.580.000.000 | 30,000 |              |
|   |               |                                                                    |                           |         |               |        |              |

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|--------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                          |           |                                                                                                               |         |

10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: DƯƠNG VIỆT KHÔI
Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 09/11/1996
Dân tộc: Kinh
Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001096046238

Ngày cấp: 09/09/2022
Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: 9A Tổ 24, đường Kim Ngưu, Phường Thanh Lương, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 9A Tổ 24, đường Kim Ngưu, Phường Thanh Lương, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội